

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 -2018

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Long

2. Bà Triệu Thị Thủy Hoàn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L không tham gia phiên tòa.*

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; Có mặt

2/ Bị đơn: Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1988; Vắng mặt có lý do.

Cùng địa chỉ: Bản X, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã P để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không chịu làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, cờ bạc tôi có tham gia góp ý thì bị anh K đánh đập nhiều lần. Do không chịu đựng được đời sống chung năm 2014 tôi đưa con về bố mẹ đẻ sinh sống, nay chúng tôi không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Hoàng Thị Ánh N, sinh ngày 09/5/2006 và Hoàng Bảo N sinh ngày 23/6/2010. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Hoàng Văn K trình bày: Tôi và chị N được tự do tìm hiểu và hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng

chúng tôi không đăng ký kết hôn mà chung sống như vợ chồng từ năm 2005 đúng như chị N trình bày, cuộc sống chung hạnh phúc cho tới năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau thường xuyên cãi chửi nhau, sau đó chị N tự bỏ nhà về ở với bố mẹ đẻ, nay chị N xin ly hôn thì tôi đồng ý vì không thể tiếp sống chung với nhau được nữa. Về con chung: Chúng tôi có hai con chung khi ly hôn tôi nhận nuôi người con Hoàng Bảo N sinh ngày 23/6/2010, chị N nuôi dưỡng người con Hoàng Thị Ánh N sinh ngày 09/5/2006, hai bên không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2018 thì cháu Hoàng Thị Ánh N có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Hoàng Bảo N có nguyện vọng được ở với bố. Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về việc nuôi con chung và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại điều 28, điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Hoàng Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn K có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn và hai người sống chung như vợ chồng từ năm 2005 cho đến nay, lời trình bày của các đương sự phù hợp với giấy xác nhận về tình trạng hôn nhân của UBND xã P, huyện L. Sau khi cả hai có đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn K không được đăng ký theo quy định của pháp luật thì không có giá trị pháp lý, đồng thời không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng; giải quyết việc nuôi con theo quy định tại các Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại biên bản hòa giải về con chung ngày 09/3/2018 và tại phiên tòa chị N và anh K giữ nguyên nội dung đã thỏa thuận cụ thể: chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Ánh N sinh ngày 09/5/2006, anh Hoàng Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Bảo N sinh ngày 23/6/2010, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nội dung các đương sự thỏa thuận phù hợp với nguyện vọng của các con là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn K là vợ chồng.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con như sau: chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con Hoàng Thị Ánh N sinh ngày 09/5/2006, anh Hoàng Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con Hoàng Bảo N sinh ngày 23/6/2010, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0000847 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái, chị N đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- CCT.H.ADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Trung Sơn

